TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1333/2024/HC-PT
Ngày 31 tháng 12 năm 2024
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 854/2024/TLPT-HC ngày 15/10/204 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3495/2024/QĐPT-HC ngày 11/12/2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh B, (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh B; Địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bảo hiểm Xã hội tỉnh B; Địa chỉ: số B đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B, (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lăng Quang V1, chức vụ Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T là cán bộ từng có thời gian công tác tại UBND xã L. Từ tháng 8/1976 đến tháng 7/1980, ông công tác tại xã L, huyện L, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) với chức danh xã Đ. Từ tháng 8/1980 đến tháng 10/1981 ông công tác tại xã L, huyện L, tỉnh Sông Bé với chức danh xã Đội trưởng. Từ tháng 11/1981 đến tháng 3/1987, công tác tại xã L, huyện L, tỉnh Sông Bé với chức danh Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã L.

Sau khi ông T kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch UBND xã L từ tháng 3/1987 thì Ban Tổ chức huyện Ủy huyện L thông báo (trao đổi bằng miệng) với ông T về việc điều động ông T về công tác tại Phòng Nông nghiệp huyện L, nhưng ông T không chấp hành, không nhận nhiệm vụ, ở nhà làm nông và sinh hoạt Đảng tại xã L, huyện L. Sau đó Huyện ủy L có Nghị quyết xử lý kỷ luật ông T bằng hình thức "Khai trừ" ra khỏi Đảng, tiếp đó ông T đã khiếu nại hình thức kỷ luật này; đến năm 1989 thì có Quyết định của Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy S thay đổi hình thức kỷ luật "Khai trừ" ra khỏi Đảng bằng hình thức "Cách chức" đối với ông T (khi đó ông T không còn giữ chức vụ gì).

Từ tháng 4/1987 đến tháng 3/2012, ông ở nhà tại xã L, chỉ tham gia làm công tác đối với các chức danh không được tính đóng Bảo hiểm Xã hội (BHXH) như: Đảng viên, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã, Bí thư chi bộ Ấp trực thuộc Đảng bộ xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Từ tháng 4/2012 đến tháng 4/2022: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã L, huyện L là chức danh được tính đóng BHXH. Sau khi nhận quyết định số 90/QĐ-CCB ngày 13/5/2020 (về việc thôi công tác hội CCB xã L), ông T đến Bảo hiểm xã hội huyện L làm thủ tục cộng nối thời gian công tác, tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (khai ngày 09/6/2022). Sau đó, ông T được cơ quan Bảo hiểm xã hội hướng dẫn bổ sung hồ sơ 02 lần (Lần 1 ngày 21/6/2022 và lần 2 ngày 13/07/2022) (giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thời gian trả kết quả vào 09h ngày 11/7/2022). Ngày 05/9/2022 (gần 2 tháng), ông nhận được văn bản số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B với nội dung: "Thời gian tham gia công tác của ông Nguyễn Văn T từ tháng 08/1976 đến tháng 03/1987 là 10 năm 08 tháng (mười năm, tám tháng) không được tính là thời gian công tác liên tục, do đó không đủ điều kiện cộng nối thời gian công tác, không được tính là thời gian có tham gia BHXH".

Không đồng ý với việc giải quyết cộng nối thời gian công tác tại Công văn số 696/BHXH-CST, ông T có 2 đơn khiếu nại (01 đơn đề ngày 09/9/2022 và 01 đơn đề ngày 13/9/2022) gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh với cùng một nội dung khiếu nại Công văn số 696/BHXH-CST. Ngày 14/10/2022, BHXH tỉnh có Công

văn số 837/BHXH-TTKT trả lời đơn của ông T với nội dung thời gian công tác từ tháng 8/1976 đến tháng 03/1987 không đủ điều kiện được cộng nối để tính hưởng BHXH.

Sau đó, ông T gửi đơn tố cáo đến B tố cáo Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B không thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại theo đơn đề nghị của ông. Sau đó ông T đã có đơn xin rút đơn tố cáo. B có Công văn số 3926/BHXH ngày 22/12/2022, chỉ đạo BHXH tỉnh B phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan thực hiện xác minh, giải quyết hồ sơ cộng nối thời gian công tác của ông T. Ngày 11/4/2023 BHXH tỉnh ban hành Công văn số 293/BHXH-TST về việc giải quyết hồ sơ cộng nối thời gian công tác của ông T với nội dung thời gian công tác từ tháng 8/1976 đến tháng 03/1987 của ông T không được tính là thời gian công tác liên tục, không được cộng nối thời gian công tác để tính hưởng BHXH.

Không đồng ý với việc giải quyết cộng nối thời gian công tác như trên, ông T tiếp tục gửi đơn tố cáo đến B. BHXH Việt Nam đã tiếp nhận và thụ lý giải quyết đơn tố cáo của ông T. Đến ngày 18/8/2023, B ban hành Kết luận số 2573/KL-BHXH kết luận nội dung tố cáo đối với Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước. Kết luận số 2573/KL-BHXH có nội dung đề nghị BHXH tỉnh thực hiện giải quyết 02 đơn khiếu nại của ông T (01 đơn để ngày 09/9/2022 và 01 đơn đề ngày 13/9/2022), có nội dung khiếu nại Công văn số 696/BHXH-CST.

Ngày 25/10/2023, BHXH tỉnh mới ban hành Quyết định số 518/QĐ-BHXH về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

Ông T không đồng ý với các quyết định trên nên đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Huỷ quyết định số 518/QĐ-UB ngày 25/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

2. Huỷ một phần văn bản số 696/BHXH-TST ngày 31/8/2022, huỷ nội dung "*thời gian tham gia công tác của ông Nguyễn Văn T từ tháng 8/1976 – tháng 3/1987 là 10 năm 8 tháng (mười năm tám tháng) không được tính là thời gian công tác liên tục, do đó không đủ điều kiện cộng nối thời gian công tác, không được tính là thời gian có tham gia BHXH. Lý do: từ tháng 4/1987 – tháng 10/1994 bị gián đoạn công tác (bị xử lý kỷ luật) và tính đến ngày 01/01/1998 bị gián đoạn công tác quá 12 tháng".*

3. Huỷ một phần văn bản số 837/BHXH-TTKT ngày 14/10/2022, huỷ nội dung "*tại điểm đ khoản 6 điều 8 thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của bộ N - bộ T2 – bộ L hướng dẫn thực hiện nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định "đối với cán bộ cấp xã giữ các chức danh theo nghị định số 09/1998/NĐ-CP có thời gian công tác gián đoạn trước ngày 01/01/1998 không quá 12 tháng thì được cộng nối thời gian công tác trước đó với thời gian công tác sau này để tính hưởng BHXH*"

4. Huỷ một phần văn bản số 293/BHXH-TST ngày 11/04/2023, huỷ nội dung "*tại điểm b khoản 14 mục II thông tư số 13/BNV nghày 04/9/1972 của bộ N hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức nhà nước quy định: "thời gian công nhân, viên chức đã bị kỷ luật buộc phải thôi việc hoặc đã bị án tù ngồi và sau lại được trở lại làm việc thì đều không được tính là thời gian công tác, còn thời gian công tác trước đó chỉ được tính vào thời gian công tác nói chung*"; điểm c khoản 12 mục II thông tư số 13/BNV ngày 04/9/1972 của bộ N quy định : "*còn những trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân, viên chức tự ý xin thôi việc, quân nhân xin giải ngũ vì hoàn cảnh riêng, sau được trở lại làm việc thì thời gian công tác trước khi nghỉ việc hoặc giải ngũ không được tính là thời gian công tác liên tục mà chỉ được tính là thời gian công tác nói chung (thời gian nghỉ việc không tính). Đối chiếu hồ sơ, kết quả xác minh với các quy định trên cho thấy: năm 1988 huyện uỷ Lộc Ninh ban hành nghị quyết số 72/NQ/HU ngày 22/9/1988 thi hành kỷ luật ông Nguyễn Văn T bằng hình thức "Khai trừ" ra khỏi Đảng, trong đó có lý do không chấp hành nghị quyết điều động công tác của tổ chức Đảng và chính quyền cấp trên, bản thân ông T cũng đã tự ý nghỉ việc từ tháng 4/1987. Vì vậy toàn bộ thời gian đề nghị cộng nối từ tháng 8/1976 đến tháng 3/1987 không được tính là thời gian công tác liên tục mà chỉ được tính là thời gian công tác nói chung (thời gian công tác nói chung không được tính để hưởng BHXH)*.

5. Yêu cầu BHXH tỉnh B thực hiện cộng nối thời gian hưởng BHXH theo "*luật số 58/2014/H13 ngày 20/11/2014*"; nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015; văn bản hướng dẫn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020; văn bản số 4220/BHXH-TST ngày 30/10/2020; thông tư số 13/BNV ngày 04/7/1972.

6. Yêu cầu BHXH tỉnh B bồi thường thiệt hại mất thu nhập do chậm giải quyết từ ngày lập tờ khai cộng nối đến ngày có quyết định giải quyết khiếu nại theo mức được hưởng BHXH "hưu trí" và bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khoẻ trong quá trình khiếu nại tố cáo kéo dài theo quy định của luật bồi thường trách nhiệm nhà nước tương đương 60 lần mức lương cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Bảo hiểm xã hộ tỉnh Bình Phước, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:

Về tóm tắt quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cộng nối thời gian và quá trình giải quyết khiếu nại của ông T: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B (do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B thống nhất quan điểm trong vụ án nên sau đây viết tắt chung là BHXH tỉnh B) thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn T về các mốc thời gian, sự kiện trong quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cộng nối thời gian và quá trình giải quyết khiếu nại của ông T.

* Về ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B đối với những yêu cầu của người khởi kiện:

1. Về nội dung hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023

Thực hiện chỉ đạo của B1 tại Kết luận số 2573/KL- BHXH ngày 18/8/2023, BHXH tỉnh đã thực hiện giải quyết đơn khiếu nại của ông T theo đúng quy định, trình tự của Luật Khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 11/03/2020 của Tổng Giám đốc B1 ban hành Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của B1 và Quyết định số 3668/QĐ- BHXH ngày 22/12/2022 của Tổng Giám đốc B1 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ban hành kèm theo Quyết định số 378/QĐ-BHXH và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hiện hành.

Căn cứ kết quả xác minh và hồ sơ, tài liệu thu thập hiện có về thời gian công tác của ông T, đối chiếu với quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cản bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì thời gian công tác trước tháng 01/1998 của ông T bị gián đoạn quá 12 tháng nên không đủ điều kiện cộng nối để tính hưởng BHXH.

Vì vậy, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023 của tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T.

2. Về nội dung hủy một phần Công văn số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông T tại Công văn số 696/BHXH-CST. Theo đó, ngày 01/11/2023 Bảo hiểm xã hội tỉnh đã ban hành Công văn số 1118/BHXH-QLTST điều chỉnh một phần nội dung Công văn số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022 của BHXH tỉnh B đối với phần viện dẫn các văn bản làm căn cứ kết luận việc cộng nối thời gian công tác của ông T (các nội dung khác giữ nguyên không thay đổi).

3. Về nội dung hủy một phần Công văn số 837/BHXH-TTKT ngày 14/10/2022

Tại Công văn số 837/BHXH-TTKT, Bảo hiểm xã hội tỉnh căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã để kết luận thời gian công tác từ tháng 8/1976 đến tháng 03/1987 của ông Nguyễn Văn T chưa đủ cơ sở cộng nối để tính hưởng BHXH do ông T có thời gian công tác trước tháng 01/1998 bị gián đoạn quá 12

tháng là đúng quy định. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân giữ nguyên toàn bộ nội dung Công văn số 837/BHXH- TTKT.

4. Về nội dung hủy một phần Công văn số 293/BHXH-TST ngày 11/4/2023

Thực hiện Kết luận số 2573/BHXH-TTKT ngày 18/8/2023 của B1 về kết luận nội dung tố cáo của ông T. Ngày 15/9/2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã ban hành Công văn số 921/BHXH-TTKT về việc thu hồi Công văn số 293/BHXH-TST ngày 11/4/2023.

5. Nội dung yêu cầu BHXH tỉnh thực hiện cộng nối thời gian hưởng BHXH.

Về việc cộng nối thời gian công tác đối với người lao động, BHXH tỉnh căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn của ngành. Việc tính thời gian công tác từ tháng 8/1976 đến tháng 3/1987 của ông T căn cứ quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: "Đối với cán bộ cấp xã giữ các chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP có thời gian công tác gián đoạn trước tháng 01/1998 không quá 12 tháng thì được cộng nối thời gian công tác trước đó với thời gian công tác sau này để tính hưởng BHXH".

Căn cứ kết quả xác minh và hồ sơ, tài liệu thu thập hiện có về thời gian công tác của ông T, đối chiếu với quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì BHXH tỉnh chưa đủ cơ sở để cộng nối thời gian công tác từ tháng 8/1976 - 3/1987 để tính hưởng BHXH đối với ông T.

6. Đối với nội dung yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại mất thu nhập và bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe.

Sau khi có Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh đối với vụ khiếu kiện của ông Nguyễn Văn T, Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ thi hành nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo Bản án của cơ quan Tòa án theo quy định. Theo đó, tại Bản án của cơ quan Tòa án có nội dung bồi thường thiệt hại đối với ông Nguyễn Văn T, Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ thi hành theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, Điều 348 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 123 Luật bảo hiểm xã hội 2014; Các Điều 9, 20, 27, 28, 29, 30, 31, 33 Luật khiếu nại 2011; Thông tư số 07/2014/TT-

TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1, Điều 14 Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách thương binh và xã hội; Khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của Bộ N, Bộ T2, Bộ L hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy một phần văn bản số 293/BHXH-TST ngày 11/04/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước do người khởi kiện ông Nguyễn Văn T rút yêu cầu này tại phiên tòa.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Văn T về việc:

- Hủy Quyết định số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

- Hủy một phần văn bản số 696/BHXH-TST ngày 31/8/2022 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B.

- Hủy một phần văn bản số 837/BHXH-TTKT ngày 14/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh B.

- Yêu cầu Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Phước thực hiện cộng nối thời gian hưởng BHXH theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ; Văn bản số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của B1; Văn bản số 4220/BHXH-TST ngày 30/10/2020 của B1; Thông tư số 13/BNV ngày 04/7/1972 của Bộ N.

- Yêu cầu Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại mất thu nhập do chậm giải quyết từ ngày lập tờ khai cộng nối đến ngày có quyết định giải quyết khiếu nại theo mức được hưởng BHXH "hưu trí" và bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khoẻ trong quá trình khiếu nại tố cáo kéo dài theo quy định của luật bồi thường trách nhiệm nhà nước tương đương 60 lần mức lương cơ sở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[1] Xét tính hợp pháp đối với Công văn số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022 của BHXH tỉnh B

[1.2] Về trình tự, thủ tục, căn cứ, thẩm quyền ban hành Công văn số 696:

Ông T nộp hồ sơ đề nghị cộng nối thời gian công tác lần đầu ngày 09/6/2022 và được cơ quan BHXH hướng dẫn bổ sung hồ sơ 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 21/6/2022 do BHXH huyện L yêu cầu bổ sung văn bản xác nhận thời gian công tác trước năm 1995 đối với trường hợp không còn hồ sơ gốc theo quy định của pháp luật.

Lần 2: Ngày 13/7/2022 do Phòng cấp sổ, thẻ yêu cầu kê khai bổ sung phụ lục thời gian làm việc từ tháng 4/1987 đến thời điểm hiện tại, ký cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến ngày 15/7/2022 (sau 37 ngày kể từ ngày ông T nộp hồ sơ lần đầu), BHXH huyện L mới tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ của ông T. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 33 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT của B, trách nhiệm hướng dẫn người tham gia lập hồ sơ theo quy định thuộc về Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính đã chưa hướng dẫn đầy đủ một lần cho ông T.

Ngày 31/8/2022, BHXH tỉnh ban hành Công văn 696/BHXH-CST trả lời kết quả về việc cộng nối thời gian công tác của ông T (sau 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ). Căn cứ khoản 2 Điều 129 Quyết định 595/QĐ-BHXH quy định thời hạn cấp sổ BHXH: *"Cấp lại sổ BHXH do ... cộng nối thời gian nhưng không phải đóng BHXH .... không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp cần phải xác minh quá trình đóng BHXH ở tỉnh khác*

hoặc nhiều đơn vị nơi người lao động có thời gian làm việc thì không quá 45 ngày nhưng phải có văn bản thông báo cho người lao động biết"; Như vậy, thời gian thẩm định, giải quyết cộng nối của BHXH tỉnh đối với ông T chậm không đáng kể so với thời hạn quy định tối đa (chậm 03 ngày) nhưng BHXH tỉnh không có văn bản thông báo, giải thích cho ông T, dẫn đến công dân tố cáo BHXH tỉnh B kéo dài thời gian thẩm định hồ sơ; trách nhiệm thuộc về Tổ thẩm định. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định BHXH tỉnh cố ý kéo dài thời gian.

[1.2] Về nội dung của Công văn số 696:

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cộng nối thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội nêu trên của ông T, BHXH đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp và BHXH thu thập, đối chiếu với quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì thời gian công tác trước tháng 01/1998 của ông T bị gián đoạn quá 12 tháng nên không đủ điều kiện cộng nối để tính hưởng BHXH.

Nên, ngày 31/8/2022 BHXH tỉnh B đã ban hành Công văn số 696/BHXH-CST về việc giải quyết hồ sơ cộng nối thời gian công tác của ông T với nội dung không đủ điều kiện cộng nối thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, tại phần viện dẫn các căn cứ của Công văn số 696 nêu trên chưa được chặt chẽ nên tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023, BHXH tỉnh B đã chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại của ông T đối với Công văn số 696. Theo đó, ngày 01/11/2023 BHXH tỉnh B đã ban hành Công văn số 1118/BHXH-QLTST điều chỉnh một phần nội dung Công văn số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022 của BHXH tỉnh B đối với phần viện dẫn các văn bản làm căn cứ kết luận việc cộng nối thời gian công tác của ông T.

Do đó, việc BHXH tỉnh B ban hành Công văn số 696/BHXH-CST ngày 31/8/2022 (được điều chỉnh bởi Công văn số 1118/BHXH-QLTST ngày 01/11/2023) tuy chưa đảm bảo về thời hạn nhưng đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung của Công văn 396 phù hợp với quy định của pháp luật. Nên, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn 396 là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023 của Giám đốc BHXH tỉnh B.

[2.1]Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T đối với Công văn số 696 ngày 31/8/2022 của BHXH tỉnh B thì Giám đốc BHXH tỉnh B đã không giải quyết theo trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại mà xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết đơn kiến nghị là không của đúng với quy định.

Tuy nhiên, sau khi có Kết luận số 2573/KL-BHXH ngày B, ngày 12/9/2023 BHXH tỉnh B đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại của ông T; Có văn bản giao cho cơ quan chuyên môn thẩm tra, xác minh, tham mưu và lập báo cáo

kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông T, cơ quan được giao nhiệm vụ đã tiến hành làm việc với người có liên quan, xác minh, đối thoại với người khiếu nại, thu thập các tài liệu, chứng cứ và lập báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông T tại Báo cáo số 01/BC-ĐXM ngày 24/10/2023 của Đoàn xác minh BHXH tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các báo cáo trên, ngày 25/10/2023, Giám đốc BHXH tỉnh B đã ban hành Quyết định số 518/QĐ-BHXH.

Nên, việc Giám đốc BHXH tỉnh B ban hành Quyết định 518 về giải quyết khiếu nại của ông T nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Điều 7; Điều 20; Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 11/03/2020 của Tổng Giám đốc B1 ban hành Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của B1 và Quyết định số 3668/QĐ- BHXH ngày 22/12/2022 của Tổng Giám đốc B1 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ban hành kèm theo Quyết định số 378/QĐ-BHXH và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hiện hành.

[2.2] Về nội dung của Quyết định 518:

Như đã phân tích tại mục [1.2] tại phần viện dẫn các căn cứ kết luận việc cộng nối thời gian công tác của ông T nêu tại Công văn số 696 của BHXH tỉnh Bình Phước chưa được chặt chẽ nên Quyết định số 518 ngày 25/10/2023 của Giám đốc BHXH tỉnh B đã chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại của ông T đối với Công văn số 696.

Đối với nội dung ông T cho rằng không thể áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau năm 1995 để làm căn cứ giải quyết cộng nối thời gian công tác trước năm 1995 của ông, mà phải áp dụng các quy định tại khoản 6 điều 123 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a, b khoản 1 điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2005; điểm 1, 2, 3, 4 mục I văn bản số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020; mục I văn bản số 4220/BHXH-TST ngày 30/12/2020; khoản 1 mục 1 điểm c khoản 14 mục II thông tư số 13/BNV ngày 04/7/1972; Thấy rằng:

Ngày 15/02/2023, BHXH tỉnh B ban hành Công văn số 82/BHXH-QLTST về việc xin ý kiến của B về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cộng nối thời gian công tác trước năm 1995 của ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 06/3/2023, B có Văn bản số 579/BHXH-TST về việc tính thời gian công tác của ông Nguyễn Văn T. Trong đó có nội dung:

"Ông Nguyễn Văn T là cán bộ xã L, huyện L, tỉnh Sông Bé. Vì vậy, việc xác định thời gian công tác của Ông là thời gian đã đóng BHXH căn cứ theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Thông tư số 13/NV ngày 4/9/1972 của Bộ N hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân viên chức Nhà nước; Khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-

BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của L1, Bộ T2, Bộ L hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Yêu cầu BHXH tỉnh B căn cứ quy định trên xem xét, giải quyết theo thẩm quyền"

Khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của Bộ N, Bộ T2, Bộ L hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định như sau:

" 6. Cán bộ cấp xã có thời gian đảm nhiệm chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, nếu công tác liên tục đến ngày 01 tháng 01 năm 1998 và hưởng sinh hoạt phí theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP thì thời gian đảm nhiệm chức danh trước ngày 01 tháng 01 năm 1998 được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

...

đ) Đối với cán bộ cấp xã giữ các chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP có thời gian công tác gián đoạn trước tháng 01/1998 không quá 12 tháng thì được công nối thời gian trước đó với thời gian công tác sau này để tính hưởng bảo hiểm xã hội".

Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 28/12/2022 giữa BHXH tỉnh B và ông Nguyễn Văn T, ông T đã tóm tắt quá trình làm việc của mình từ năm 1970 đến năm 2022. Trong đó, ông T trình bày: "*Từ tháng 4/1987 đến tháng 3/2012: Tôi ở nhà tại xã L, chỉ tham gia làm công tác đối với các chức danh không tính là đóng bảo hiểm xã hội như: Đảng viên, Uỷ viên Ban kiểm tra Đảng uỷ xã, Bí thư Chi bộ ấp trực thuộc Đảng bộ xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước*".

Vì vậy, đối chiếu với quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/05/2010 với thực tiễn thời gian công tác của ông T thì thời gian từ tháng 4/1987 – 01/1998 là thời gian ông T không giữ các chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, thời gian này được tính là thời gian gián đoạn công tác và thời gian gián đoạn này quá 12 tháng nên ông T không được cộng nối thời gian trước đó với thời gian công tác sau này để tính hưởng bảo hiểm xã hội. Nên, việc BHXH tỉnh Bình Phước căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết yêu cầu cộng nối thời gian công tác để tính hưởng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T là đúng theo quy định pháp luật. Từ đó, Giám đốc BHXH tỉnh B ban hành Quyết định số 518 có nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của ông T về điều chỉnh các căn cứ viện dẫn và giữ nguyên các phần yêu không đủ điều kiện cộng nối thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với Công văn số 837/BHXH-TTKT ngày 14/10/2022 của Giám đốc BHXH tỉnh B về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T nộp 02 đơn khiếu nại đề ngày 09/9/2022 và ngày 13/9/2022 với cùng nội dung khiếu nại Công văn số 696/BHXH-CST thì Giám đốc BHXH tỉnh B phải căn cứ các quy định của Luật khiếu nại để giải quyết đơn

của ông T và ban hành Thông báo không thụ lý đơn khiếu nại hoặc phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, Phòng Thanh tra kiểm tra BHXH tỉnh B đã phân loại là đơn kiến nghị, dẫn đến áp dụng không đúng quy trình giải quyết, xử lý đơn. Giám đốc BHXH không tổ chức xác minh, đối thoại với người khiếu nại, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là chưa đảm bảo quy trình, quy định của Luật khiếu nại và hướng dẫn của B tại Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 11/3/2020.

Thấy rằng, tuy Công văn số 837 được ban hành không đúng trình tự thủ tục; Nhưng nội dung của Công văn đã viện dẫn các căn cứ pháp lý và thực tiễn để làm cơ sở cho việc BHXH tỉnh Bình Phước không cộng nối thời gian hưởng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Như đã phân tích nêu trên, BHXH tỉnh B ban hành Công văn số 696, Giám đốc BHXH tỉnh B ban hành Quyết định 518, Công văn 837 có nội dung không đủ điều kiện cộng nối thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với ông T nên việc ông T yêu cầu thực hiện cộng nối thời gian hưởng BHXH theo "Luật số 58/2014/H13 ngày 20/11/2014"; Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015; Văn bản hướng dẫn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020; Văn bản số 4220/BHXH-TST ngày 30/10/2020; Thông tư số 13/BNV ngày 04/7/1972 là không có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, do không chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên của ông T; nên việc ông T yêu cầu BHXH tỉnh B bồi thường thiệt hại mất thu nhập do chậm giải quyết từ ngày lập tờ khai cộng nối đến ngày có quyết định giải quyết khiếu nại theo mức được hưởng BHXH "hưu trí" và bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khoẻ trong quá trình khiếu nại tố cáo kéo dài theo quy định của luật bồi thường trách nhiệm nhà nước tương đương 60 lần mức lương cơ sở là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với các yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy các Văn bản số 8/BHXH-TTKT ngày 05/01/2023; Văn bản số 10/BHXH-TTKT ngày 05/01/2023; Văn bản số 11/BHXH-TTKT ngày 05/01/2023; Văn bản số 962/BHXH-TTKT ngày 28/9/2023; Giấy mời số 83/GM-BHXH ngày 20/10/2023; Biên bản làm việc (về việc họp giải quyết hồ sơ cộng nối thời gian công tác trước năm 1995 của công dân) ngày 24/10/2023; văn bản số 2371/SLĐTBXH-LĐVL ngày 25/10/2023; văn bản số 1118/BHXH-QLTST ngày 01/11/2023; Văn bản số 82/BHXH-QLTST ngày 15/02/2023; Văn bản số 579/BHXH-TST ngày 06/3/2023 thì các văn bản này không phải quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên không phải nộp theo quy định tại Điều 12, Điều 34 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện, về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội 2014; các điều 9, 20, 27, 28, 29, 30, 31, 33 Luật Khiếu nại 2011; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1, Điều 14 Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách thương binh và xã hội; khoản 6 Điều 8 Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của Bộ N, Bộ T2, Bộ L hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Văn T về việc:

- Huỷ Quyết định số 518/QĐ-BHXH ngày 25/10/2023 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

- Huỷ một phần văn bản số 696/BHXH-TST ngày 31/8/2022 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B.

- Huỷ một phần văn bản số 837/BHXH-TTKT ngày 14/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh B.

- Yêu cầu Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Phước thực hiện cộng nối thời gian hưởng BHXH theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ; văn bản số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của B1; văn bản số 4220/BHXH-TST ngày 30/10/2020 của B1; Thông tư số 13/BNV ngày 04/7/1972 của Bộ N.

- Yêu cầu Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại mất thu nhập do chậm giải quyết từ ngày lập tờ khai cộng nối đến ngày có quyết định giải quyết khiếu nại theo mức được hưởng BHXH "hưu trí" và bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khoẻ trong quá trình khiếu nại tố cáo kéo dài theo quy định của luật bồi thường trách nhiệm nhà nước tương đương 60 lần mức lương cơ sở.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu **Mai Xuân Thành** **Lê Thị Tuyết Trinh**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự (3);
- Lưu VT (5), HS (2) 14b(BA- TMH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh